TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THA HOÁ
Bản án số: 07/2019/HNGĐ
Ngày: 10/9/2019
V/v:Ly hôn, trA chấp
về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hà

Ông Lê Văn Kim

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Đông Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:*** Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; sinh năm: 1990; ĐKHKTT tại: xã Đông A huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú tại: Thôn 1, xã Đông A huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Bị đơn: A Lê Văn D, sinh năm: 1987; ĐKHKTT: xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2019 và trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị H:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông A huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/9/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có ý thức xây dựng cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, thường xuyên xảy ra va chạm nên từ ngày 15 tháng 3 năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh D được ly hôn.

Về con: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D có hai con chung là cháu Lê Văn L, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Lê Văn Hải A1, sinh ngày 31/8/2013. Vợ chồng ly hôn chị H xin được quyền nuôi cả hai con, không yêu cầu anh D phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D không có tài sản gì có giá trị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D không nợ chung ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản tự khai ngày 28 tháng 6 năm 2019, quan điểm của anh Lê Văn D:

Về hôn nhân: Anh D thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường có xảy ra xô sát cãi nhau, cũng có lần anh D đánh chị H, đến khoảng 2 – 3 tháng nay thì vợ chồng sống ly thân. Nay chị H muốn ly hôn nhưng anh D không đồng ý vì thương con.

Về con: Anh Lê Văn D thống nhất như lời trình bày của chị H: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Văn L, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Lê Văn Hải A1, sinh ngày 31/8/2013. Vợ chồng ly hôn anh D cũng có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị H phải đóng góp nuôi con nhưng nếu chị H muốn nuôi cả hai con thì anh D cũng đồng ý.

Về tài sản: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị H có mua sắm được một số tài sản có giá trị nhưng vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị H không nợ chung ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 28 tháng 6 năm 2019, quan điểm của cháu Lê Văn L:

Cháu là con đầu của bố D và mẹ H. Trong cuộc sống hàng ngày bố mẹ hay cãi nhau. Nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Lê Văn D và xin được quyền nuôi cả hai con chung của vợ chồng, không yêu cầu anh D phải đóng góp nuôi con còn nếu anh D tự nguyện đóng góp nuôi con chung thì chị H cũng đồng ý. Bị đơn anh Lê Văn D không nhất trí ly hôn, nhưng nếu vợ chồng ly hôn thì anh D dành quyền nuôi con chung của vợ chồng cho chị H và tự nguyện đóng góp nuôi con chung cùng chị H cho hai cháu là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Về tài sản và công nợ cả chị H và anh D đều khẳng định vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà:

- Về tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định.

Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: + Điều luật áp dụng : các Điều 56, 57, 58 , 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27, mục 1.1 phần II danh mục án phí lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án, tuyên:

+ Về Hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Văn D

+ Về con chung: Giao cháu Lê Văn L và cháu Lê Văn Hải A1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng một tháng đối với hai con kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi các con thành niên.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh D phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn là anh Lê Văn D là Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 2, xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

* *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông A, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31 tháng 7 năm 2009. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong lĩnh vực kinh tế, cuộc sống luôn căng thẳng nên tình cảm phai nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/3/2019 không có trách nhiệm gì với nhau. Mặc dù anh D không nhất trí ly hôn nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Theo xác minh tại địa phương được anh D công nhận: Anh D có thời gian sử dụng ma túy là đối tượng đang được theo dõi đề nghị cho đi cai nghiện. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H là

phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

* *Về con:* Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D đều thống nhất: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Văn L, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Lê Văn Hải A1. Chị H và anh D thống nhất thỏa thuận : Giao cả hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh D tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị H cho hai con là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời gian đóng góp tính từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

* *Về tài sản:* Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D đều thống nhất: Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D khẳng định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con, tài sản, công nợ giữa chị H và anh D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh D phải nộp tiền án phí DSST đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H đối với bị đơn anh Lê Văn D.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; các Điều 271; 273; 278; 280; của BLTTDS năm 2015; các Điều 51; 56; 57; 58; 81, 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Văn D.

2. *Về nuôi con chung:*

Giao cháu Lê Văn L, sinh ngày 21/10/2009 và cháu Lê Văn Hải A1, sinh ngày 31/8/2013 là con chung của vợ chồng cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện đóng góp nuôi con chung với chị H của anh Lê Văn D cho hai con là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời gian đóng góp tính từ tháng 09 năm 2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Buộc chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2018/0006517 ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

Buộc anh Lê Văn D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Tố Như

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Sơn*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã Đông A*
-*Thi hành án huyện Đông Sơn.*
-*Lưu hồ sơ*